

Số: 01 /2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v: Quy định chính sách hỗ trợ chấm dứt sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại phường Phong Khê - thành phố Bắc Ninh, xã Văn Môn - huyện Yên Phong, xã Phú Lâm - huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 25**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 10 /TTr-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chấm dứt sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại phường Phong Khê - thành phố Bắc Ninh, xã Văn Môn - huyện Yên Phong, xã Phú Lâm - huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-KTNS ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chấm dứt hoạt động hoặc di dời cơ sở sản xuất ra khỏi tỉnh Bắc Ninh để thực hiện dự án mới hoặc chuyển đổi nghề



nghiệp đối với các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại phường Phong Khê - thành phố Bắc Ninh, xã Văn Môn - huyện Yên Phong, xã Phú Lâm - huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến các đối tượng hưởng hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

2. Các cơ sở bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân đang hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và thuộc diện di dời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi tắt là cơ sở di dời); các cơ sở này đang sử dụng đất ở, đất sản xuất hoặc thuê lại đất, nhà xưởng để hoạt động (trừ trường hợp lấn chiếm); bao gồm cả cơ sở đã di dời theo Đề án bảo vệ môi trường đã thực hiện di dời trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

## **Điều 3. Hỗ trợ các cơ sở chấm dứt hoạt động hoặc di dời**

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ các cơ sở tái chế kim loại trong khu dân cư tại xã Văn Môn, huyện Yên Phong: Tối đa 200 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ cơ sở sản xuất giấy tại khu dân cư và các cụm công nghiệp tại phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh và xã Phú Lâm, huyện Tiên Du; cơ sở tái chế kim loại không nằm trong khu dân cư tại xã Văn Môn, huyện Yên Phong: Tối đa 300 triệu đồng/dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở đã chấm dứt hoạt động hoặc di dời và đã chấp hành việc xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

3. Thời gian hỗ trợ:

a) Cơ sở sản xuất trong khu dân cư xã Văn Môn, xã Phú Lâm và phường Phong Khê; tại cụm công nghiệp Mẫn Xá, xã Văn Môn: Đã chấm dứt hoạt động trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

b) Cơ sở sản xuất trong các cụm công nghiệp Phong Khê, xã Phú Lâm: Đã chấm dứt hoạt động trước ngày 31 tháng 3 năm 2025.

## **Điều 4. Hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng**

Hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng cho cơ sở sản xuất giấy tại khu dân cư và các cụm công nghiệp tại phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh và xã Phú Lâm, huyện Tiên Du; cơ sở tái chế kim loại tại xã Văn Môn, huyện Yên Phong di dời cơ sở sản xuất ra khỏi tỉnh Bắc Ninh để thực hiện dự án mới hoặc chuyển đổi nghề nghiệp khác.

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50% lãi suất vốn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký của cơ sở với tổ chức cho vay, nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại từng thời kỳ,



tính trên tổng số tiền vay để đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất tại địa điểm mới hoặc chuyển đổi nghề nghiệp khác.

2. Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở sản xuất di dời ra khỏi tỉnh Bắc Ninh hoặc chuyển đổi nghề nghiệp khác có dự án mới và phải vay vốn ngân hàng; đồng thời đã chấp hành việc xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

3. Thời gian hỗ trợ: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

#### **Điều 5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chấm dứt hoạt động hoặc di dời, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết).

b) Giấy xác nhận của địa phương đối với các hộ kinh doanh, cá thể không có giấy phép đăng ký kinh doanh (bản chính).

c) Biên bản kiểm tra chấm dứt hoạt động có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện; kèm theo xác nhận đã chấp hành vi phạm hành chính (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn (theo Phụ lục số 02 đính kèm Nghị quyết này).

b) Hợp đồng vay vốn tại các tổ chức tín dụng, Giấy nhận nợ tại các tổ chức tín dụng và chứng từ thanh toán cho tổ chức tín dụng.

c) Bảng tính toán lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới đề nghị được hỗ trợ (bản chính).

d) Bảng kê trả lãi vay có xác nhận của tổ chức tín dụng (bản chính).

đ) Các giấy tờ có liên quan khác (bản phô tô).

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục thẩm quyền giải quyết hồ sơ hỗ trợ**

1. Lập dự toán hàng năm:

a) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, lập, phê duyệt danh sách các cơ sở đủ điều kiện được hỗ trợ kèm theo dự kiến kinh phí hỗ trợ; gửi Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 7 hàng năm. Riêng đối với dự toán năm 2025, sau khi các huyện, thị xã, thành phố có văn bản đề nghị hỗ trợ, Sở Tài chính tham mưu trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ theo quy định.

b) Căn cứ danh sách và kinh phí hỗ trợ dự kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính phối hợp cùng các huyện thảo luận dự toán và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung mục tiêu kinh phí hỗ trợ cho cấp huyện vào dự toán năm sau.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp chịu trách nhiệm chi trả cho các cơ sở theo dự toán được giao; quyết toán số kinh phí chi trả theo Luật ngân sách và quy định hiện hành.



## 2. Trình tự hỗ trợ:

a) Cơ sở lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận và chịu trách nhiệm xét duyệt hồ sơ, thẩm định số kinh phí được hỗ trợ theo quy định của các cơ sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm toàn diện về việc đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ và kinh phí được hỗ trợ của các đối tượng tại địa phương. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc, trong đó:

- Sau khi nhận được hồ sơ, trong thời gian 03 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan hoặc có văn bản đề nghị cơ sở bổ sung hồ sơ. Trường hợp cần yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ thì thời hạn giải quyết bắt đầu tính từ cơ sở bổ sung đầy đủ hồ sơ.

- Các cơ quan có liên quan có ý kiến bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời gian 07 ngày làm việc tính từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc tiếp theo, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ý kiến của các cơ quan có liên quan, thẩm định hồ sơ, tổ chức họp (nếu thấy cần thiết).

c) Căn cứ hồ sơ hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm chi trả cho các cơ sở theo quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí; quyết toán số kinh phí chi trả theo Luật ngân sách và quy định hiện hành. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, tổng hợp và đánh giá kết quả triển khai thực hiện, báo cáo tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, đề nghị:

a) Chỉ đạo rà soát, xác định và chịu trách nhiệm về các đối tượng thụ hưởng đảm bảo theo quy định của pháp luật; phê duyệt đối tượng, mức hỗ trợ theo thẩm quyền; đối với việc hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng, thực hiện theo đúng quy định của Luật Tổ chức tín dụng. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chính sách thiết thực, hiệu quả; đơn giản hoá thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, đúng trình tự và quy định của pháp luật.

b) Tăng cường tuyên truyền chính sách để người dân, doanh nghiệp và các đối tượng thụ hưởng tiếp cận và nắm rõ, đầy đủ chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường sớm chấm dứt hoặc chuyển đổi nghề nghiệp; đồng thời tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách; không để xảy ra thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ.

c) Trường hợp sau khi thực hiện chính sách có bất cập, không mang lại hiệu quả trong việc thúc đẩy chấm dứt hoặc di dời, trực lợi chính sách,... thì các cơ quan tham mưu cần khẩn trương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh dừng hoặc đề xuất sửa đổi chính sách cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 17 tháng 01 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029. / 25

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, TN&MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ ĐB và ĐB.HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, tx, tp;
- TTXVN tại BN; Công báo tỉnh;
- VP: CVP, CV.HĐND, lưu VT. / 26



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hương Giang**





**PHỤ LỤC 01:**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 17/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ  
HỖ TRỢ KINH PHÍ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG HOẶC DI DỜI**

Kính gửi: .....

Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh: .....

Mã số thuế (nếu có).....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký thuế/ thông báo mã số thuế số: ..... ngày ..... do ..... cấp.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định chính sách hỗ trợ chấm dứt sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại phường Phong Khê - thành phố Bắc Ninh, xã Văn Môn - huyện Yên Phong, xã Phú Lâm - huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

..... (tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh) .....  
tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất tại .....

Thời điểm tiến hành chấm dứt.....

Nay,..... (tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh).....  
làm đơn này đề nghị ..... hỗ trợ với kinh  
phí cụ thể như sau:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Hồ sơ gửi kèm theo gồm có:**

- Đơn đề nghị hỗ trợ.
- Giấy xác nhận của địa phương đối với các hộ kinh doanh, cá thể không có giấy phép đăng ký kinh doanh.
- Biên bản xác nhận chấm dứt hoạt động; kèm theo xác nhận đã chấp hành vi phạm hành chính (nếu có).
- Các giấy tờ khác có liên quan./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND**

.....

....., ngày.....tháng.....năm....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**  
**THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**PHỤ LỤC 02:****MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN**

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 17/01/2025  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN**

Kính gửi: .....

Căn cứ .....

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định chính sách hỗ trợ chấm dứt sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại phường Phong Khê - thành phố Bắc Ninh, xã Văn Môn - huyện Yên Phong, xã Phú Lâm - huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

.....(tên đơn vị)..... đăng ký hỗ trợ lãi suất vay vốn với các nội dung như sau:

**I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh: .....

Mã số thuế (nếu có).....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký thuế/ thông báo mã số thuế số: ..... ngày ..... do ..... cấp.

**II. DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên dự án đầu tư: .....

2. Số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/hoặc các giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Mục tiêu dự án: .....

4. Quy mô dự án: .....

4.1. Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m<sup>2</sup> hoặc ha)

4.2. Công suất thiết kế.....

4.3. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp.....

4.4. Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...)

5. Địa điểm thực hiện dự án: .....

6. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): ..... m<sup>2</sup> hoặc ha.



7. Tổng vốn đầu tư của dự án: ..... (bằng số) đồng.
8. Thời hạn hoạt động của dự án: ..... năm, kể từ ngày .....
9. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:
- 9.1. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: .....
- 9.2. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có).
10. Đề nghị của Chủ đầu tư:
- 10.1. Thời gian vay vốn để đầu tư: .....
- 10.2. Số vốn vay đề nghị ngân sách hỗ trợ lãi suất: .....
- 10.3. Mức lãi suất đề nghị hỗ trợ: .....
- 10.4. Thời gian hỗ trợ: .....năm, bắt đầu từ năm: .....

### III. CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.
3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận hỗ trợ lãi suất theo quy định.
4. Cam kết dự án đăng ký hỗ trợ lãi suất này chưa được hưởng ưu đãi, bảo lãnh tín dụng Nhà nước hoặc chưa được hưởng các ưu đãi về lãi vay khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật. Nếu vi phạm, chủ đầu tư cam kết nộp trả lại ngân sách nhà nước phần lãi đã được hỗ trợ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.
5. Khi chủ đầu tư chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật thì sẽ thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để chấm dứt chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định.

### IV. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các hồ sơ nêu tại Nghị quyết; (liệt kê cụ thể)
2. Các hồ sơ khác các liên quan (nếu có).

Đơn vị cam kết các nội dung khai nêu trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung khai nêu trên./.

....., ngày .....tháng .... năm.....

**ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Ghi rõ họ tên và chức vụ, đóng dấu)